

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI ĐỊA HỌC KỲ 1 LỚP 7

Phần I: Địa lí dân cư

1. Nước ta có bao nhiêu dân tộc? Dân tộc Kinh phân bố ở đâu? các dân tộc ít người phân bố ở đâu?
2. Nêu những đặc điểm khác nhau giữa dân tộc kinh và các dân tộc ít người.
3. Trình bày tình hình phân bố của các dân tộc ít người ở nước ta.
4. Vì sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh?
5. Dân số đông và tăng nhanh đã gây ra những hậu quả gì?
6. Cho bảng số liệu sau:

Tỉ suất sinh và tỉ suất tử ở nước ta, giai đoạn 1979-2006(%)

| Năm | 1979 | 1989 | 1999 | 2006 |
|--------------|------|------|------|------|
| Tỉ suất sinh | 32,2 | 31,3 | 23,6 | 19,0 |
| Tỉ suất tử | 7,2 | 8,4 | 7,3 | 5,0 |

a. Vẽ biểu đồ phù hợp nhất thể hiện tỉ suất sinh, tỉ suất tử và tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta, giai đoạn 1979-2006.

b. Nhận xét.

7. Hãy Trình bày đặc điểm phân bố dân cư nước ta.
8. Nêu đặc điểm của các loại hình quần cư ở nước ta.
9. Trình bày đặc điểm của đô thị hóa ở nước ta.
10. Để nâng cao chất lượng lao động cần có những giải pháp gì?
11. Tại sao nói việc làm là vấn đề gay gắt của nước ta?
12. Để giải quyết việc làm cần tiến hành những biện pháp gì?
13. Cho bảng số liệu:

Cơ cấu lao động phân theo các khu vực kinh tế nước ta, năm 2000 và năm 2005(%)

| Năm | Tổng | Chia ra các khu vực kinh tế | | |
|------|-------|-----------------------------|-----------------------|---------|
| | | Nông lâm ngư nghiệp | Công nghiệp- Xây dựng | Dịch vụ |
| 2000 | 100,0 | 65,1 | 13,1 | 21,8 |
| 2005 | 100,0 | 57,2 | 18,3 | 24,5 |

a. Vẽ biểu đồ biểu hiện cơ cấu lao động phân theo các khu vực kinh tế nước ta , năm 200 và năm 2005.

b. Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của nước ta.

14. Cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta có thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế - xã hội? Những biện pháp để khắc phục những khó khăn.

15. Phân tích xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta. Sự chuyển dịch cơ cấu ngành nói lên điều gì?

16. Hãy nêu một số thành tựu và thách thức trong sự phát triển kinh tế của đất nước.

17. Phân tích những thuận lợi và khó khăn của tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp ở nước ta.

18. Tại sao thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta.

19. Sự phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp?

20. Sự thay đổi tỉ trọng cây lương thực và cây công nghiệp trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt nói lên điều gì?
21. Nhận xét và giải thích sự phân bố cây công nghiệp hàng năm và lâu năm ở nước ta.
22. Việc trồng rừng đem lại lợi ích gì? Tại sao chúng ta vừa khai thác lại vừa phải bảo vệ rừng?
23. Cho biết những thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành thủy sản nước ta.
24. Trình bày ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.
25. Hãy phân tích ý nghĩa của việc phát triển nông, lâm ngư nghiệp đối với ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.
26. Chứng minh rằng, nước ta có cơ cấu ngành công nghiệp khá đa dạng
27. Phân tích vai trò của ngành dịch vụ bưu chính viễn thông trong sản xuất và đời sống.
28. Tại sao Hà Nội và TPHCM là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất và đa dạng nhất cả nước.
29. Tại sao các hoạt động dịch vụ nước ta phân bố không đều?
30. Ở VN có mấy loại hình giao thông? Kể tên? Loại hình nào có tỉ trọng tăng nhanh nhất? Tại sao?
31. Hà Nội và TP HCM có những điều kiện thuận lợi nào để trở thành các trung tâm thương mại, dịch vụ lớn nhất cả nước.?
32. Vì sao nước ta lại buôn bán nhiều nhất với thị trường khu vực châu Á- Thái Bình Dương?

Các bảng số liệu, vẽ và nhận xét theo yêu cầu SGK

Phần II: Sự phân hóa lãnh thổ

1. Nêu đặc điểm vị trí vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và ý nghĩa vị trí địa lý của vùng.
2. Nêu những thế mạnh của vùng tài nguyên thiên nhiên của vùng TDMNBB.
3. Tại sao TDMNBB là địa bàn đông dân và phát triển kinh tế xã hội cao hơn miền núi Bắc Bộ.
4. Vì sao việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống các dân tộc phải đi đôi với bảo vệ môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.
5. Hãy nêu ý nghĩa của nhà máy thủy điện Hòa Bình.
6. Nhờ những điều kiện thuận lợi gì mà cây chè chiếm tỉ trọng lớn về diện tích và sản lượng so với toàn quốc?
7. Vì sao khai thác khoáng sản là thế mạnh của tiểu vùng Đông bắc, còn phát triển thủy điện là thế mạnh của tiểu vùng Tây Bắc?
8. Nêu ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông- lâm kết hợp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.
9. Cho bảng số liệu: Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh năm 1994 ở TDMNBB (tỉ đồng)

| Năm | 1995 | 2000 | 2005 |
|-----------|--------|---------|---------|
| Tiểu vùng | | | |
| Tây Bắc | 302,5 | 541,2 | 1295,8 |
| Đông Bắc | 6197,2 | 10657,7 | 21245,3 |

Vẽ biểu đồ cột và nhận xét về giá trị sản xuất công nghiệp ở hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc.

10. Những ngành công nghiệp khai thác nào của Trung du và miền núi Bắc Bộ có điều kiện phát triển mạnh? Vì sao?
11. Chứng minh ngành công nghiệp luyện kim đen ở Thái Nguyên chủ yếu sử dụng nguyên liệu tại chỗ.
12. Trình bày đặc điểm vị trí địa lý của ĐBSH. Đánh giá ảnh hưởng của vị trí đồng bằng đối với sự phát triển kinh tế- xã hội.
13. Nêu ý nghĩa của sông Hồng đối với sự phát triển nông nghiệp và đời sống dân cư.

14. Mật độ dân số cao ở Đồng bằng sông Hồng có thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế- xã hội.
15. Điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội ở ĐBSH có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế xã hội
16. Trình bày đặc điểm phát triển công nghiệp ở vùng Đồng bằng Sông Hồng giai đoạn 1995-2002.
17. Sản xuất lương thực ở vùng ĐBSH có tầm quan trọng như thế nào? ĐBSH có những thuận lợi và khó khăn gì để phát triển sản xuất lương thực?
18. Chứng minh rằng ĐBSH có điều kiện để phát triển du lịch.
19. Vai trò của vụ đông trong việc sản xuất lương thực thực phẩm ở ĐBSH?
20. Ảnh hưởng của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tới đảm bảo lương thực của vùng.
21. Ý nghĩa của vị trí địa lý của vùng BTB đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.
22. Những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên ở Bắc Trung Bộ đối với sự phát triển kinh tế- xã hội.
23. Đặc điểm phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ.
24. Ảnh hưởng của dải núi Trường Sơn Bắc đến khí hậu ở Bắc Trung Bộ.
25. Những thành tựu và khó khăn trong phát triển kinh tế nông, công nghiệp ở Bắc Trung Bộ.
26. Ý nghĩa của việc trồng rừng ở Bắc Trung Bộ.
27. Trong phát triển kinh tế xã hội, vùng ĐHTB có những thuận lợi và khó khăn gì?
28. Phân bố dân cư ở ĐHTB có những đặc điểm gì? Tại sao phải đẩy mạnh công tác giảm nghèo ở vùng đồi núi phía Tây.
29. Tại sao du lịch là thế mạnh kinh tế của vùng ĐHTB?
30. Tại sao vấn đề bảo vệ và phát triển rừng có tầm quan trọng đặc biệt ở các tỉnh cực NTB?
31. Vùng ĐHTB đã khai thác tiềm năng kinh tế biển như thế nào?
32. Nêu tầm quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đối với sự phát triển kinh tế ở Bắc Trung Bộ, ĐHTB và Tây Nguyên
33. Trong xây dựng kinh tế- xã hội, Tây Nguyên có những điều kiện thuận lợi và khó khăn gì?
34. Trình bày đặc điểm phân bố dân cư ở Tây Nguyên.
35. Vì sao cây cà phê được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên?
36. Tại sao nói Tây Nguyên có thế mạnh du lịch?
37. Dựa vào bảng số liệu sau:
Giá trị sản xuất công nghiệp của Tây Nguyên và cả nước (giá so sánh năm 1994, nghìn tỷ đồng)

| Năm | 1995 | 2000 | 2002 |
|------------|-------|-------|-------|
| Tây Nguyên | 1,2 | 1,9 | 2,3 |
| Cả nước | 103,4 | 198,3 | 261,1 |

- a. Tính tốc độ phát triển công nghiệp của Tây Nguyên và cả nước (lấy năm 1995=100%)
- b. Nhận xét tình hình phát triển công nghiệp ở Tây Nguyên.
38. Căn cứ vào bảng số liệu : Sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2002 (nghìn tấn)

| | Bắc Trung Bộ | Duyên hải Nam Trung Bộ |
|------------|--------------|------------------------|
| Nuôi trồng | 38,8 | 27,6 |
| Khai thác | 153,7 | 493,5 |

- a. So sánh sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ở vùng trên.

b. Vì sao có sự chênh lệch về sản lượng thủy sản giữa 2 vùng?

Chúc các em soạn, học bài theo các câu hỏi gợi ý, ngoài ra còn bám sát nội dung bài học để ôn tập. chúc các em đạt kết quả cao trong học tập

Phần 3:

Câu 1: Quan sát hình 1.3 và 1.4 cho biết: Trong giai đoạn từ năm 1950 đến năm 2000, nhóm nước nào có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao hơn? Tại sao em biết?

Câu 2: Nhận xét tình hình sinh, tử, gia tăng dân số tự nhiên của 2 nhóm nước phát triển và đang phát triển.

Câu 3: Tại sao tỉ lệ gia tăng tự nhiên của châu Á giảm, nhưng tỉ trọng dân số so với thế giới vẫn tăng?

Câu 5: Nhận xét tình hình tăng dân số trên thế giới qua các giai đoạn và giải thích.

Câu 6: Tại sao dân cư thế giới lại phân bố không đồng đều?

Câu 7: Nguyên nhân dẫn tới sự khác biệt về hình thức bên ngoài của các chủng tộc.

Câu 8: Dân cư trên thế giới chủ yếu tập trung ở những những khu vực nào? Hai khu vực có mật độ dân cư cao nhất

Câu 9: Trên thế giới có mấy loại chủng tộc? Phân bố ở đâu và nêu đặc điểm về mỗi chủng tộc?

Câu 10: Sự khác nhau cơ bản giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn.

Câu 11: Nêu tên 10 siêu đô thị lớn nhất thế giới từ năm 1950 đến năm 2000. Các siêu đô thị này phân bố ở châu lục nào/

Câu 12: Tìm trên lược đồ phân bố dân cư của Châu Á những khu vực tập trung đông dân. Các đô thị lớn ở châu Á thường phân bố ở đâu?

Phần 4: CÁC MÔI TRƯỜNG ĐỊA LÝ

Chương I: Môi trường đới nóng- Hoạt động kinh tế của con người ở đới nóng.

Câu 1: Môi trường đới nóng bao gồm những kiểu môi trường nào? Kể tên?

Câu 2: Nêu vị trí, đặc điểm môi trường đới nóng.

Câu 3: Trình bày vị trí và đặc điểm môi trường xích đạo ẩm.

Câu 4: Trình bày vị trí và đặc điểm khí hậu môi trường nhiệt đới.

Câu 5: Tại sao đất ở vùng nhiệt đới có màu đỏ vàng?

Câu 6: Tại sao diện tích xa van nửa hoang mạc ở vùng nhiệt đới đang ngày càng mở rộng ?

Câu 7: Nêu vị trí, đặc điểm của môi trường nhiệt đới gió mùa.

Câu 8: Đặc điểm khác nhau cơ bản giữa khí hậu nhiệt đới và khí hậu nhiệt đới gió mùa là gì?

Câu 9: Đặc điểm nổi bật của khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Câu 10; Trình bày sự đa dạng của môi trường nhiệt đới gió mùa.

Câu 11: Môi trường xích đạo ẩm có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sản xuất nông nghiệp ?

Câu 12: Dựa vào hình 9.1 và 9.2 SGK, phân tích nguyên nhân dẫn đến xói mòn đất ở môi trường xích đạo ẩm.

Câu 13: Phân tích hình 10.1 SGK để thấy được mối quan hệ giữa gia tăng dân số tự nhiên quá nhanh với tình trạng thiếu lương thực ở châu Phi.

Câu 14: Nhận xét về mối tương quan giữa dân số và diện tích rừng ở khu vực Đông Nam Á.

Nguyên nhân dẫn tới giảm diện tích rừng.

Câu 15: Hãy phân tích hậu quả của việc gia tăng dân số quá nhanh ở đới nóng.

Câu 16: Vẽ sơ đồ thể hiện tác dụng tiêu cực của việc gia tăng dân số quá nhanh ở đới nóng với tài nguyên môi trường.

Câu 17: Để khắc phục những khó khăn do khí hậu nhiệt đới gió mùa gây ra, trong sản xuất nông nghiệp cần thực hiện những biện pháp chủ yếu nào?

Câu 18; Nêu tên các loại nông sản chính ở đới nóng.

Câu 19; Nêu các nguyên nhân (tiêu cực, tích cực) di dân ở đới nóng ?

Câu 20: Nêu những tác động xấu tới môi trường và đời sống do đô thị hóa tự phát ở đới nóng gây ra/

Câu 21: Quan sát các biểu đồ trang 40, 41 SGK, xác định các kiểu môi trường đới nóng. ? Giải thích? Nêu đặc điểm của môi trường đó.

Chương II: Môi trường đới ôn hòa- Hoạt động kinh tế của con người đới ôn hòa

Câu 1: Nêu vị trí, đặc điểm của môi trường đới ôn hòa.

Câu 2: Nêu hai đặc điểm cơ bản của môi trường đới ôn hòa.

Câu 3: Nêu tên và xác định vị trí các kiểu môi trường ở đới ôn hòa.

Câu 4: Nêu vai trò của dòng biển nóng và gió Tây ôn đới với khí hậu ở đới ôn hòa.

Câu 5: Tính chất trung gian của khí hậu và sự thất thường của thời tiết ở đới ôn hòa thể hiện như thế nào?

Câu 6: Trình bày sự phân hóa của môi trường đới ôn hòa.

Câu 7: Dựa vào hình 13.1 SGK, phân tích những yếu tố gây nên sự biến động thời tiết ở đới ôn hòa.

Câu 8: Nêu đặc điểm giống và khác nhau của hai hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp: hộ gia đình và trang trại.

Câu 9: Hãy chỉ rõ sự khác biệt của hai hình thức sản xuất nông nghiệp ở đới ôn hòa.

Câu 10: Để phát triển nông nghiệp ở đới ôn hòa, con người phải khắc phục những khó khăn do thời tiết gây ra. Tại sao? nêu một số biện pháp áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để khắc phục khó khăn do thời tiết gây ra.

Câu 11: Nêu tên các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu ở từng kiểu môi trường trong đới ôn hòa và giải thích.

Câu 12: Nêu tên các trung tâm công nghiệp chính ở đới ôn hòa.

Câu 13: Nêu những nét đặc trưng cơ bản của đô thị hóa ở môi trường đới ôn hòa.

Câu 14: Những vấn đề xã hội nảy sinh khi các đô thị phát triển quá nhanh và hướng giải quyết.

Câu 15: Việc tập trung dân số quá đông vào các đô thị, các siêu đô thị nảy sinh những vấn đề gì về môi trường?

Câu 16: Nêu những nguyên nhân gây ô nhiễm không khí ở đới ôn hòa.

Câu 17: Thế nào là hiệu ứng nhà kính. Nêu tác hại của hiệu ứng nhà kính.

Câu 18: Cho bảng số liệu sau:

| Năm | 1890 | 1957 | 1980 | 1997 |
|----------------------------------|------|------|------|------|
| Lượng CO ₂ (P.P.m) | 275 | 312 | 335 | 355 |

a. Vẽ biểu đồ cột lượng khí CO₂ trong không khí từ năm 1890 đến năm 1997 theo số liệu trên.

b. Nguyên nhân tăng lượng CO₂

Chương III: Môi trường hoang mạc- Hoạt động kinh tế của con người ở hoang mạc.

Câu 1: Nêu vị trí và đặc điểm của môi trường hoang mạc.

Câu 2: Hoang mạc trên thế giới thường phân bố ở đâu? Nguyên nhân của sự phân bố đó?

Câu 3: Thực vật và động vật ở hoang mạc thích nghi với môi trường khắc nghiệt khô và hạn như thế nào?

Câu 4: Nêu sự khác nhau của hoang mạc đới nóng và hoang mạc đới ôn hòa.

Câu 5: Trình bày các hoạt động kinh tế cổ truyền và kinh tế hiện đại trong các hoang mạc ngày nay.

Câu 6: Biện pháp đang được sử dụng để khai thác hoang mạc và hạn chế quá trình hoang mạc mở rộng trên thế giới.

Câu 7: Nêu một số ví dụ cho thấy tác động của con người đã làm tăng diện tích hoang mạc trên thế giới.

Chương IV: Môi trường đới lạnh- Hoạt động kinh tế của con người ở đới lạnh.

Câu 1: Nêu vị trí, đặc điểm của môi trường đới lạnh.

Câu 2: Tại sao nói: Đới lạnh là hoang mạc lạnh của Trái Đất.?

Câu 3: Giới thực vật, động vật ở đới lạnh có gì đặc biệt?

Câu 4: Cho biết tên các dân tộc sinh sống ở đới lạnh phương Bắc, nơi phân bố và hoạt động kinh tế của họ.

Câu 5: Đới lạnh có những nguồn tài nguyên chính nào? Tại sao cho tới nay nhiều nguồn tài nguyên ở đới lạnh vẫn chưa được khai thác?

Câu 5: Quan sát hình 23.2 SGK, trình bày sự thay đổi của thảm thực vật theo độ cao, theo hướng sườn của vùng núi An- Pơ. Giải thích?

Câu 6: Nhận xét sự thay đổi của các vành đai thực vật vùng núi đới nóng và vùng núi ở đới ôn hòa, giải thích/

Phần III: Thiên nhiên, con người ở các Châu lục

Câu 1: Tại sao nói thế giới chúng ta đang sống thật rộng lớn và đa dạng?

Câu 2: Phân biệt lục địa và châu lục?

Câu 3: Trên thế giới dựa vào đâu để phân loại các quốc gia trên thế giới và đánh giá sự phát triển kinh tế- xã hội của từng nước, từng châu lục.

Chương VI: Châu Phi

Câu 1: Trình bày đặc điểm vị trí châu Phi.

Câu 2: Giải thích vì sao: Châu Phi là châu lục nóng?

Câu 3: Nêu đặc điểm của môi trường hoang mạc và môi trường nhiệt đới. Giải thích tại sao hoang mạc lại chiếm diện tích lớn ở Bắc Phi.

Câu 4: Vì sao các hoang mạc ở châu Phi lại ăn lan ra sát biển?

Câu 5: Trình bày và giải thích sự phân bố dân cư ở châu Phi.

Câu 6: Phân tích những nguyên nhân chủ yếu đã kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội của châu Phi.

Câu 7: Nêu sự khác nhau trong sản xuất cây công nghiệp và cây lương thực ở châu Phi.

Câu 8: Tại sao công nghiệp châu phi còn chậm phát triển? kể tên một số nước tương đối phát triển ở Châu Phi.

Câu 9: Nêu sự khác nhau trong sản xuất cây công nghiệp và cây lương thực ở Châu Phi.

Câu 10: Nguyên nhân dẫn tới dân đô thị châu Phi tăng nhanh.

Câu 11: Nêu sự khác biệt về kinh tế của khu vực Bắc Phi và khu vực Trung Phi

Câu 12: Tại sao phần lớn Bắc Phi và Nam Phi đều nằm trong môi trường nhiệt đới nhưng khí hậu lại ẩm và dịu hơn khí hậu của Bắc Phi?

Câu 13: Nêu một số đặc điểm công nghiệp và nông nghiệp của Cộng hòa Nam Phi.

Câu 14: Châu phi có mấy khu vực tự nhiên ? Trình bày đặc điểm cơ bản tự nhiên của khu vực Bắc Phi?

Ngoài ra còn bám sát nội dung theo chương trình học.

Chúc các em ôn tập, soạn theo hệ thống ngân hàng câu hỏi. Chúc các em thi HKI đạt kết quả.